

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 43/2021/DS-GĐT

Ngày 08/7/2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần M Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Lê Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn Kh, bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: số X, đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Ngọc Th, bà Lê Thị Hồng L; địa chỉ: ngõ K, đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: tổ dân phố N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Trần Thâm; địa chỉ: tổ dân phố N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn Kh, bà Nguyễn Thị M trình bày:* Nguồn gốc thửa đất của ông Kh, bà M là do Ủy ban nhân dân xã Lý Ninh giao để làm nhà ở từ năm 1984; đến năm 1997 Nhà nước đo vẽ bản đồ sử dụng đất của toàn dân, thửa đất nêu trên của ông Kh,

bà M có số thửa 48, tờ bản đồ số 111, số hiệu mảnh bản đồ gốc 934508-2-(14) hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 11/11/1997 (nay là thửa số 5 tờ bản đồ số 132 phường B). Ngày 28/5/2004, ông Kh và bà M đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 435674 đứng tên hộ ông Đinh Văn Kh. Năm 1998, gia đình ông Kh xây tường rào bao quanh khu đất để chăn nuôi gà. Giáp với toàn tuyến tường rào (phía Đông Nam) là thửa đất của ông Lê Văn Nam (ông Nam đã chuyển nhượng cho ông Th); năm 1991 gia đình Ông và gia đình ông Nam có cắm mốc ranh giới giữa hai thửa đất. Khi xây dựng hàng rào, ông Kh không xây sát ranh giới mà xây thụt vào phía trong đất của gia đình Ông (bên ngoài tường rào còn có đất của Ông) và chừa lại một khoảng dài 3m dọc tuyến giáp với đất ông Nam, (tại điểm góc thửa số hiệu 9927 đến 9926 giáp thửa 48 ông Kh với thửa đất ông Th số 02) cạnh này là cạnh góc vuông của hình tam giác và 1 cạnh (tại điểm góc thửa số hiệu 9927 đến 974 thửa 48 giáp thửa số 01) cũng là cạnh góc vuông là 2,5m, cạnh huyền nằm trong vườn ông Kh là 6,0 m; diện tích đã trồng cây là $(3,0 + 2,5)/2 \times 6,0 = 16,5\text{m}^2$. Lý do chừa ra không xây là tại vị trí đó đã trồng dây tre hóp làm hàng rào bảo vệ, mặt khác là để sử dụng tre hóp khi cần thiết. Quá trình sử dụng đất, ông Kh bà M đã chuyển nhượng một phần thửa đất cho người khác và đã tách thửa. Nay ông Kh, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án căn cứ kết quả thẩm định ngày 06/5/2019 ngày 28/5/2010 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ để buộc ông Th bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm $6,7\text{m}^2$, ông Kh bà M chấp nhận dỡ bỏ hàng rào để xây lại theo ranh giới đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trả lại cho ông Th bà L $0,3\text{m}^2$ đất.

- Bị đơn ông Phan Ngọc Th trình bày: Vào năm 1990 vợ chồng ông Th bà L nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất của ông Lê Văn Nam, bà Nguyễn Thị L, hai bên có đơn xin chuyển nhượng đất từ ngày 16/02/1990, nhưng đến tháng 02/2002 hai vợ chồng ông Th mới xây dựng nhà, các công trình phụ, hầm thấm nước sinh hoạt.... Khi ông Th, bà L làm nhà giữa hai bên đã có tường rào của ông Kh, bà M xây dựng từ trước và cũng không có ai tranh chấp, khiếu nại. Quá trình quản lý, sử dụng đất, ngày 24/10/2007 ông Th, bà L được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03566 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ 116, diện tích $159,8\text{m}^2$. Ông Kh, bà M khởi kiện cho rằng gia đình Ông lấn chiếm đất là không có căn cứ. Gia đình ông xây dựng nhà và các công trình phụ, hầm thấm nước bên ngoài tường rào của ông Kh xây dựng, căn cứ mốc giới đã có sẵn từ trước Ông không lấn chiếm đất ông Kh, do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Kh và giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng, lỗi hoàn toàn do cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bên không đúng thực tế sử dụng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 30/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 174; Điều 175; Điều 176; Điều 267 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 6, 12, 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Kh bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp ranh giới tiếp giáp với đất ông Phan Ngọc Th bà Lê Thị Hồng L tại góc thửa số hiệu 9911- 9912 và góc thửa số hiệu 9912- 9926.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Kh bà Nguyễn Thị M: Buộc ông Phan Ngọc Th bà Lê Thị Hồng L tháo dỡ toàn bộ các công trình là nhà tạm, chuồng gà, hầm thấm nước thải vệ sinh...có trên diện tích đất tranh chấp bên ngoài hàng rào hiện nay ông Kh đã xây dựng, để trả lại cho ông Kh bà M quyền sử dụng diện tích đất tại các vị trí A là 4.40m² và B là 2,30m² tổng cộng 6,70m² đất.

Vị trí, kích thước diện tích tháo dỡ theo sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất và ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ lập ngày 28/5/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh bà M tự tháo dỡ hàng rào tiếp giáp ông Th để trả lại cho ông Th bà L diện tích 0,3m² đất và xây dựng lại đúng mốc giới, đường ranh giới từ vị trí góc thửa 9926 (tọa độ X (m) 1933008.136; tọa độ Y (m) 509320.681) nối thẳng với vị trí góc thửa đất 9927 (tọa độ X (m) 1932998.698; tọa độ Y (m) 509313.279) có độ dài 11,994m theo đúng hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 11/11/1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai bên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2019, ông Th và bà L có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2019/DS-PT ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 174, 175, 176, 267 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, 12,

26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Ngọc Th, bà Lê Thị Hồng L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 30/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đ. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Kh bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp ranh giới tiếp giáp với đất ông Phan Ngọc Th bà Lê Thị Hồng L tại góc thửa số hiệu 9911- 9912 và góc thửa số hiệu 9912- 9926.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Kh và bà Nguyễn Thị M: Buộc ông Phan Ngọc Th và bà Lê Thị Hồng L tháo dỡ toàn bộ các công trình là nhà tạm, chuồng gà, hầm thấm nước thải vệ sinh...có diện tích đất tranh chấp bên ngoài hàng rào hiện nay ông Kh đã xây dựng, để trả lại cho ông Kh, bà M quyền sử dụng diện tích đất tại các vị trí A là $4.40m^2$ và B là $2,30m^2$ tổng cộng $6,70m^2$ đất.

Vị trí, kích thước diện tích tháo dỡ theo sơ đồ “Đo đạc hiện trạng sử dụng đất” và ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ lập ngày 28/5/2019 kèm theo bản án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh bà M tự tháo dỡ hàng rào tiếp giáp ông Th để trả lại cho ông Th bà L diện tích $0,3m^2$ đất và xây dựng lại đúng mốc giới, đường ranh giới từ vị trí góc thửa 9926 (tọa độ X (m) 1933008.136; tọa độ Y (m) 509320.681) nối thẳng với vị trí góc thửa đất 9927 (tọa độ X (m) 1932998.698; tọa độ Y (m) 509313.279) có độ dài 11,994m theo đúng hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 11/11/1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai bên.

Theo sơ đồ vị trí số hiệu góc thửa theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 11/11/1997 kèm theo bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác.

- Ngày 29/11/2019, ông Th và bà L có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 09/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2019/DS-PT ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố

Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguồn gốc diện tích 650m² đất của ông Đinh Văn Kh, bà Nguyễn Thị M tọa lạc tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình do Ủy ban nhân dân xã Lý Ninh giao để làm nhà ở từ năm 1984; đến ngày 11/11/1997, Nhà nước đo vẽ bản đồ sử dụng đất, diện tích đất nêu trên có số thửa 48, tờ bản đồ số 111 (nay là thửa 22, tờ bản đồ số 132). Ngày 28/5/2004, Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 435674, diện tích 830m² đứng tên ông Kh, bà M. Ngày 25/6/2004, ông Kh và bà M chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M Hương diện tích 112m² đất; diện tích đất còn lại là 718m² (bút lục 06 - 07, 67 - 71).

[2]. Thửa đất của ông Phan Ngọc Th, bà Lê Thị Hồng L có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Lê Ngọc Nam, bà Nguyễn Thị L vào năm 2002. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 11/11/1997 thì thửa đất nêu trên có số thửa 02, tờ bản đồ số 116 (nay là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 132), diện tích 159,8m². Ngày 24/10/2007, ông Th và bà L được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 159,8m² (bút lục 58 - 66).

[3]. Ông Kh, bà M cho rằng năm 1991 giữa gia đình Ông, Bà và gia đình ông Nam, bà L đã cắm mốc ranh giới giữa hai nhà. Năm 1998, ông Kh xây tường rào bao quanh khu đất để nuôi gà, nhưng có chừa lại diện tích đất hình tam giác với kết quả đo đạc thực tế là 4,4m²; tại vị trí này ông Kh đã trồng dây tre hóp làm hàng rào bảo vệ. Năm 2002, gia đình ông Th nhận chuyển nhượng đất từ ông Nam, xây dựng nhà ở và xin triệt hạ dây tre hóp để không bị rấn cản. Năm 2010 và năm 2017 ông Th xây tường rào, nhà bếp, chuồng gà, nhà tắm trên diện tích đất mà Ông đã chừa ra, đồng thời xây hầm chứa nước thải bồn cầu trên diện tích đất lấn chiếm của gia đình Ông. Do đó, Ông Bà yêu cầu ông Th, bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm theo như kết quả đo đạc là 6,7m².

[4]. Ông Th và bà L cho rằng trước khi Ông Bà đến ở, gia đình ông Kh đã xây tường rào và tự xác định ranh giới. Ông Bà xây nhà, tường rào và các công trình bên ngoài tường rào của ông Kh nên không có việc lấn chiếm đất nhà ông Kh. Khi Ông Bà xây nhà vào năm 2002, ông Kh, bà M cũng không có ý kiến gì. Về kết quả đo đạc hiện trạng ngày 28/5/2019, Ông Bà không đồng ý, lỗi hoàn toàn do các Cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bên không đúng thực tế sử dụng đất. Vì vậy, Ông Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà M.

[5]. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ lập ngày 28/5/2019, hộ ông Kh, hộ bà Hương (nhận chuyển nhượng đất từ ông Kh), hộ ông Th và 02 hộ khác tiếp giáp với đất ông Kh, ông Th đều sử dụng đất không đúng với ranh giới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 82-83).

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/11/2019, ông Trần Thẩm (tiếp giáp hộ ông Kh, ông Th), bà L (người chuyển nhượng đất cho ông Th) trình bày: Nhà ông Kh đã xây tường rào trước khi ông Th xây nhà, từ đó đến nay tường rào vẫn như vậy; trước đây tại vị trí tranh chấp có mấy ngôi mộ và bụi tre hóp của gia đình ông Thị, sau đó ông Th, bà L là người đã trả tiền cho ông Thị để di dời những ngôi mộ này (bút lục 162).

[7]. Quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Đ và lấy lời khai của các nhân chứng như sau:

[8]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020, ông Nguyễn Văn Thị trình bày: gia đình Ông có 12 ngôi mộ tại phần đất ông Kh và ông Th đang tranh chấp, các ngôi mộ này đã được bốc năm 2003; khi gia đình Ông bốc mộ, gia đình ông Th đưa cho gia đình Ông một số tiền và xin phần đất đó nên Ông để lại phần đất đó cho ông Th sử dụng; trước đây anh trai của Ông là ông Nguyễn Văn Mễ (chết năm 1999) có trồng bụi hóp tại vị trí đất tranh chấp (bút lục 49).

[9]. Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020, ông Trần Thẩm trình bày: Phần đất tranh chấp 4,4m² nguyên là của ông Thị, Ông cũng có ý định xin phần đất đó nhưng không được, vì ông Th đã góp tiền cho ông Thị bốc mộ nên ông Thị cho ông Th phần đất này; ông Kh xây hàng rào khoảng năm 1997-1998 và xây chéo (trừ bụi hóp) là do đất của ông Kh chỉ tới đó; ông Kh cũng tranh chấp đất với Ông nhiều lần và được phường giải quyết (bút lục 54).

[10]. Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020, bà L trình bày: Trước đây giữa đất của Bà với đất ông Kh không có gì làm ranh giới; khi lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997, ông Kh chỉ rào lại chứ chưa xây hàng rào, năm 1998 ông Kh mới xây hàng rào (lúc này bà L chưa chuyển nhượng đất cho ông Th).

[11]. Tại Biên bản xác minh ngày 09/11/2020 và ngày 10/11/2020, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Đ cung cấp: việc cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông Kh, ông Th năm 2004, 2007 chỉ căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 1997 do Xí nghiệp trắc địa 203 thực hiện chứ không đo đạc lại hiện trạng; khi đo đạc năm 1997 chưa có mốc giới cố định nên có sai số. Mặt khác đo đạc được phép sai số theo quy định 3% nên không thể khẳng định các ranh giới, mốc giới bản đồ năm 1997 là chính xác hoàn toàn (bút lục 43 - 46).

[12]. Như vậy, có cơ ở xác định diện tích đất tranh chấp 6,7m² không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Kh và bà M. Năm 2004 và năm 2007, Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kh, bà M và ông Th, bà L nhưng không tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất mà căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1997 dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất. Mặt khác, năm 1991 gia đình ông Kh, bà M và gia đình ông Nam, bà L (người đã chuyển nhượng đất cho ông Th, bà L) đã tự cắm mốc xác định ranh giới đất giữa hai bên; năm 1998 ông Kh, bà L xây tường rào kiên cố và sử dụng ổn định từ đó cho đến khi hai bên có tranh chấp. Tại thời điểm ông Th, bà L xây dựng nhà, chuồng gà, hầm thấm nước thải vệ sinh..., ông Kh và bà M cũng không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ; ngày 28/6/2021, Chi cục Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ ban hành Công văn số 710/CCTHADS trả lời cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng biết “*Qua quá trình tổ chức việc thi hành án theo Quyết định thi hành án số 428/QĐ-CCTHADS ngày 07/01/2020, liên quan đến việc tháo dỡ toàn bộ các công trình nhà tạm, chuồng gà, hầm thấm nước thải vệ sinh...của ông Phan Ngọc Th, bà Lê Thị Hồng L xây dựng trên diện tích đất ở các vị trí là 4,40m² và B là 2,3m², tổng cộng 6,7m² để giao đất cho ông Đình Văn Kh và bà Nguyễn Thị M, sẽ gặp khó khăn như: Đối với công trình nhà ở, ông Th, bà L xây dựng trên diện tích đất 2,3m² (vị trí B) phải giao trả cho ông Kh, bà M, diện tích nhà phải tháo dỡ có một phần góc móng, trụ và tường nhà, khi tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu cả ngôi nhà...*”. Việc, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ để chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của ông Kh, bà M; buộc ông Th, bà L tháo dỡ toàn bộ công trình trên diện tích đất 6,7m² để trả lại đất cho ông Kh, bà M trong đó có một phần ngôi nhà cấp 4 của hộ ông Th là không có cơ sở, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Th, bà L.

[13]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 09/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2019/DS-PT ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần M Tuấn